

Số: **19** /2021/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày **19** tháng **10** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa liên thông
trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2021 và thay thế Quyết định số 08/2017/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 16/2018/QĐ-

UBND ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm THCB;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Các phòng NC;
- Lưu: VT, THNV. 05

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thanh Bình



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Phối hợp thực hiện cơ chế một cửa liên thông
trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**
(Kèm theo Quyết định số: **19** /2021/QĐ-UBND ngày **19** tháng **10** năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, quy trình thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) và trách nhiệm phối hợp giữa các Sở, ngành và địa phương trong việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả khi thực hiện TTHC trong lĩnh vực xây dựng cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu trên địa bàn tỉnh.

2. Quy trình thực hiện TTHC từ giai đoạn tiếp nhận hồ sơ đến khi ban hành kết quả giải quyết TTHC (kết quả thẩm định hoặc giấy phép xây dựng) thông qua đơn vị đầu mối là Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và Ban Quản lý Khu kinh tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan thực hiện:

- a) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- b) Sở Xây dựng;
- c) Sở Giao thông vận tải;
- d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- e) Sở Công Thương;
- g) Ban Quản lý Khu kinh tế;
- h) Các Sở, ban, ngành có liên quan;
- i) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện).

2. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (viết tắt là nhà đầu tư hoặc chủ đầu tư).

Điều 3. Thẩm quyền giải quyết TTHC

Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (viết tắt là dự án), Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng thực hiện theo quyết định phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh.

Điều 4. Sản phẩm đầu ra tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.
2. Văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.
3. Văn bản thông báo kết quả thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.
4. Giấy phép xây dựng.

Điều 5. Nguyên tắc thực hiện cơ chế một cửa liên thông

1. Lấy sự hài lòng của tổ chức, cá nhân là thước đo chất lượng và hiệu quả phục vụ của công chức, viên chức và cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC.
2. Việc giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân theo cơ chế một cửa liên thông được quản lý tập trung, thống nhất.
3. Giải quyết TTHC kịp thời, nhanh chóng, thuận tiện, đúng pháp luật, công bằng, bình đẳng, khách quan, công khai, minh bạch và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có thẩm quyền.
4. Quá trình giải quyết TTHC được đôn đốc, kiểm tra, theo dõi, giám sát, đánh giá bằng các phương thức khác nhau trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và có sự tham gia của tổ chức, cá nhân.
5. Không làm phát sinh chi phí thực hiện TTHC cho tổ chức, cá nhân ngoài quy định của pháp luật.
6. Công chức, viên chức cơ quan có thẩm quyền thực hiện trách nhiệm giải trình về thực thi công vụ trong giải quyết TTHC theo quy định của pháp luật.
7. Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế có liên quan đến thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập.
8. Các trường hợp không tính vào thời gian giải quyết TTHC theo quy định tại Quy chế này gồm:
 - a) Các dự án, công trình phải xin ý kiến của các Bộ, ngành Trung ương liên quan, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh theo quy định pháp luật có liên quan trước khi có kết quả giải quyết TTHC;
 - b) Thời gian chủ đầu tư tổ chức thẩm tra đề phục vụ công tác thẩm định và thời gian chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến thẩm định;
 - c) Thời gian chủ đầu tư tổ chức thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;
 - d) Thời gian chủ đầu tư tổ chức thẩm duyệt Báo cáo đánh giá tác động

môi trường hoặc xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường;

e) Thời gian thực hiện các thủ tục thỏa thuận đầu nối về hạ tầng kỹ thuật của dự án với khu vực (như thỏa thuận: đầu nối cấp điện, đầu nối cấp - thoát nước, đầu nối đường giao thông,...).

Điều 6. Hướng dẫn kê khai, chuẩn bị hồ sơ thực hiện TTHC

1. Công chức, viên chức tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả (viết tắt là Bộ phận Một cửa) hướng dẫn:

- a) Các hồ sơ, giấy tờ mà tổ chức, cá nhân phải nộp khi giải quyết TTHC;
- b) Quy trình, thời hạn giải quyết TTHC;
- c) Mức và cách thức nộp thuế, phí, lệ phí hoặc các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có);
- d) Cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện TTHC khi tổ chức, cá nhân yêu cầu theo quy định pháp luật.

Nội dung hướng dẫn phải bảo đảm chính xác, đầy đủ, cụ thể theo văn bản quy phạm pháp luật đang có hiệu lực, quyết định công bố TTHC của cơ quan có thẩm quyền được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, Cổng Dịch vụ công tỉnh, Trang thông tin điện tử đơn vị và công khai tại nơi giải quyết TTHC.

2. Việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân có thể thực hiện thông qua các cách thức sau:

- a) Hướng dẫn trực tiếp tại Bộ phận Một cửa;
- b) Hướng dẫn qua hệ thống tổng đài hoặc số điện thoại chuyên dùng đã công bố công khai;
- c) Hướng dẫn trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh hoặc qua mạng xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép (mail công vụ, phần mềm zalo);
- d) Bằng văn bản được gửi qua dịch vụ bưu chính công ích;
- e) Qua các bộ hồ sơ điền mẫu, qua các video hướng dẫn mẫu dựng sẵn hoặc bằng các cách thức khác.

Nội dung hướng dẫn được lưu tại Bộ phận Một cửa.

3. Trường hợp danh mục tài liệu trong hồ sơ giải quyết TTHC còn thiếu so với danh mục tài liệu được công bố công khai theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc tài liệu chưa cung cấp đầy đủ thông tin theo biểu mẫu hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền thì người tiếp nhận hồ sơ TTHC hướng dẫn đại diện tổ chức, cá nhân bổ sung một lần đầy đủ, chính xác.

Điều 7. Cách thức tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

Tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC thông qua các cách thức sau:

1. Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa.
2. Thông qua dịch vụ bưu chính công ích.
3. Trực tuyến.

Điều 8. Tiếp nhận hồ sơ TTHC

1. Đối với hồ sơ được nhận theo cách thức được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Quy chế này, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa phải xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ phải hướng dẫn đại diện tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ TTHC;

c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.

2. Đối với hồ sơ được nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa phải xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ.

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định, công chức, viên chức tiếp nhận phải có thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ một lần để tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ, chính xác hoặc gửi đúng đến cơ quan có thẩm quyền. Việc thông báo được thực hiện thông qua chức năng gửi thư điện tử, gửi tin nhắn tới người dân của Cổng Dịch vụ công tỉnh;

b) Nếu hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầy đủ, hợp lệ thì công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa tiếp nhận và chuyển cho Bộ phận chuyên môn để giải quyết theo quy trình tại Điều 9 Quy chế này.

3. Trường hợp TTHC có quy định phải trả kết quả giải quyết ngay khi sau khi tiếp nhận, giải quyết, nếu hồ sơ đã đầy đủ, chính xác, đủ điều kiện tiếp nhận, công chức, viên chức tiếp nhận không phải lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả, nhưng phải cập nhật tình hình, kết quả giải quyết vào Hệ thống thông tin một cửa điện tử; trường hợp người nộp hồ sơ yêu cầu phải có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả thì công chức, viên chức cung cấp cho người nộp hồ sơ.

4. Trường hợp công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa được cơ quan có thẩm quyền phân công, ủy quyền giải quyết thì thực hiện theo quy định tại

Điều 10 Quy chế này và cập nhật tình hình, kết quả giải quyết vào Hệ thống thông tin một cửa điện tử.

Điều 9. Chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết

Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ theo Điều 8 Quy chế này, công chức, viên chức tiếp nhận chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC như sau:

1. Chuyển dữ liệu hồ sơ điện tử được tiếp nhận trực tuyến của tổ chức, cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết thông qua kết nối giữa Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

2. Chuyển ngay hồ sơ tiếp nhận trực tiếp trong ngày làm việc hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày.

3. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan có thẩm quyền khác, công chức, viên chức tiếp nhận chuyển hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử cho Bộ phận Một cửa của cơ quan có thẩm quyền đó trong ngày làm việc hoặc đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày để xử lý theo quy định.

Việc chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết nêu tại khoản 2, khoản 3 Điều này được thực hiện thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc các loại hình dịch vụ khác bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, an toàn hồ sơ tài liệu.

Điều 10. Giải quyết TTHC

1. Sau khi nhận hồ sơ TTHC, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền phân công công chức, viên chức xử lý xem xét, thẩm định hồ sơ, trình phê duyệt kết quả giải quyết TTHC.

2. Trường hợp hồ sơ phải lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan:

a) Cơ quan, đơn vị chủ trì giải quyết hồ sơ hoặc Bộ phận Một cửa trong trường hợp được phân công hoặc ủy quyền gửi thông báo điện tử hoặc văn bản phối hợp xử lý đến các đơn vị có liên quan, trong đó nêu cụ thể nội dung lấy ý kiến, thời hạn lấy ý kiến. Quá trình lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan phải được cập nhật thường xuyên, đầy đủ về nội dung, thời hạn, cơ quan lấy ý kiến trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử;

b) Cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời các nội dung được lấy ý kiến theo thời hạn lấy ý kiến và cập nhật nội dung, kết quả tham gia ý kiến vào Hệ thống thông tin một cửa điện tử hoặc Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. Trường hợp quá thời hạn lấy ý kiến mà cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến chưa có văn bản giấy hoặc văn bản điện tử trả lời thì cơ quan, đơn vị chủ trì thông báo cho người đứng đầu Bộ phận Một cửa đã chuyển hồ sơ về việc chậm trễ để phối hợp xử lý.

3. Các hồ sơ quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này sau khi thẩm định không đủ điều kiện giải quyết, cơ quan giải quyết TTHC trả lại hồ sơ và

thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không giải quyết hồ sơ theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ để gửi cho tổ chức, cá nhân thông qua Bộ phận Một cửa. Thông báo được nhập vào mục trả kết quả của Hệ thống thông tin một cửa điện tử. Thời hạn thông báo phải trong thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định.

4. Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết, trong thời hạn chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho Bộ phận Một cửa và gửi văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân, trong đó ghi rõ lý do quá hạn, thời gian đề nghị gia hạn trả kết quả theo mẫu Phiếu đề nghị gia hạn thời gian giải quyết. Việc hẹn lại ngày trả kết quả được thực hiện không quá một lần.

Căn cứ Phiếu đề nghị gia hạn thời gian giải quyết, Bộ phận Một cửa điều chỉnh lại thời gian trả kết quả xử lý trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử, đồng thời gửi thông báo đến tổ chức, cá nhân qua thư điện tử, tin nhắn, điện thoại hoặc mạng xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép (nếu có).

Điều 11. Trả hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC

1. Kết quả giải quyết TTHC gửi trả cho tổ chức, cá nhân phải bảo đảm đầy đủ theo quy định mà cơ quan có thẩm quyền trả cho tổ chức, cá nhân sau khi giải quyết xong TTHC.

2. Trường hợp hồ sơ có bản chính hoặc bản gốc đã tiếp nhận để sao chụp, đối chiếu, xác nhận tính xác thực thì cơ quan có thẩm quyền phải chuyển trả bản chính hoặc bản gốc đó cho tổ chức, cá nhân; thời điểm trả theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả giải quyết TTHC theo thời gian, địa điểm ghi trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trường hợp đăng ký nhận kết quả trực tuyến thì thông qua Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

4. Kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân được lưu trữ tại Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan có thẩm quyền để phục vụ việc sử dụng, tra cứu thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Chương II

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG

Điều 12. Cơ chế phối hợp giải quyết thủ tục thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng điều chỉnh

1. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (viết tắt là Nghị định số 15/2021/NĐ-CP).

2. Thời gian giải quyết hồ sơ:

- Đối với thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh (viết tắt là Dự án): Không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc đối với dự án nhóm B và 10 (mười) ngày làm việc đối với dự án nhóm C, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

- Đối với thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng điều chỉnh (viết tắt là Báo cáo kinh tế - kỹ thuật): Không quá 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan để giải quyết thủ tục thẩm định Dự án, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

- Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của cơ quan có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm gửi văn bản kèm theo hồ sơ dự án đến các cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến đóng góp thẩm định theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP;

- Thời gian có văn bản trả lời của các cơ quan được lấy ý kiến thẩm định: Không quá 08 (tám) ngày làm việc đối với dự án nhóm B; không quá 05 (năm) ngày làm việc đối với dự án nhóm C và Báo cáo kinh tế kỹ thuật. Nếu quá thời hạn, các cơ quan, tổ chức liên quan không có văn bản trả lời thì được xem như đã chấp thuận nội dung xin ý kiến về thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý của mình.

4. Sau khi hết thời gian lấy ý kiến đóng góp thẩm định của các cơ quan có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế tổng hợp các ý kiến đóng góp và ban hành kết quả thẩm định gửi chủ đầu tư để chỉnh sửa hoàn thiện hồ sơ Dự án, Báo cáo kinh tế kỹ thuật. Thời gian có kết quả thẩm định cụ thể:

- Đối với dự án Nhóm B: 04 (bốn) ngày làm việc;

- Đối với dự án nhóm C và Báo cáo kinh tế kỹ thuật: 02 (hai) ngày làm việc.

5. Cơ chế phối hợp giải quyết thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật quy định tại Điều này chỉ áp dụng đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

6. Đối với các Dự án, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh, chủ đầu tư có trách nhiệm chỉnh sửa hoàn thiện hồ sơ theo kết quả thẩm định, trình cơ quan chuyên môn về xây dựng để kiểm tra và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt hoặc cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền phê duyệt.

Điều 13. Cơ chế phối hợp giải quyết thủ tục thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

1. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ.

Thực hiện theo quy định khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 37 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

2. Thời gian giải quyết hồ sơ:

- Không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc đối với công trình cấp II, cấp III, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

- Không quá 10 (mười) ngày làm việc đối với công trình cấp IV, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan để giải quyết thủ tục thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

- Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án, trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của cơ quan có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm gửi văn bản kèm theo hồ sơ thiết kế đến các cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến đóng góp thẩm định theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP;

- Thời gian có văn bản trả lời của các cơ quan được lấy ý kiến thẩm định: Không quá 08 (tám) ngày làm việc đối với công trình cấp II, cấp III; không quá 05 (năm) ngày làm việc đối với công trình cấp IV. Nếu quá thời hạn, các cơ quan, tổ chức liên quan không có văn bản trả lời thì được xem như đã chấp thuận về nội dung xin ý kiến về thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và chịu trách nhiệm về lĩnh vực quản lý của mình.

4. Sau khi hết thời gian lấy ý kiến đóng góp thẩm định của các cơ quan có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế tổng hợp các ý kiến đóng góp và ban hành kết quả thẩm định gửi chủ đầu tư để chỉnh sửa hoàn thiện hồ sơ thiết kế. Thời gian có kết quả thẩm định cụ thể:

- Đối với công trình cấp II, cấp III: 04 (bốn) ngày làm việc;

- Đối với công trình cấp IV: 02 (hai) ngày làm việc.

Điều 14. Cơ chế phối hợp giải quyết thủ tục đề nghị cấp giấy phép xây dựng dự án, nhóm công trình thuộc dự án; công trình không theo tuyến, công trình theo tuyến; công trình tín ngưỡng, tôn giáo; công trình tượng đài, tranh hoành tráng; công trình quảng cáo; công trình của các cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế; cấp giấy phép xây dựng (GPXD) theo giai đoạn; cấp GPXD đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa; cấp giấy phép di dời công trình; cấp GPXD có thời hạn; điều chỉnh GPXD

1. Thành phần hồ sơ:

a) Đối với dự án, nhóm công trình thuộc dự án: Thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

b) Đối với công trình xây dựng mới không theo tuyến: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

c) Đối với công trình xây dựng mới theo tuyến: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

d) Đối với công trình tín ngưỡng, tôn giáo: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

e) Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

g) Đối với công trình quảng cáo: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

h) Đối với công trình của các cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

i) Trường hợp cấp GPXD theo giai đoạn: Thực hiện theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

k) Đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo: Thực hiện theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

l) Đối với trường hợp di dời công trình: Thực hiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

m) Trường hợp cấp GPXD có thời hạn: Thực hiện theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

n) Điều chỉnh GPXD: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

2. Số lượng hồ sơ:

Thực hiện theo quy định tại Điều 102 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.

3. Thời gian giải quyết hồ sơ:

Tổng thời gian giải quyết hồ sơ không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Riêng đối với công trình quảng cáo thời gian cấp GPXD thực hiện theo quy định của pháp luật về quảng cáo theo quy định tại khoản 36 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (viết tắt là Luật Xây dựng sửa đổi).

4. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan để giải quyết thủ tục cấp GPXD:

- Trong 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ phận chuyên môn của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng (viết tắt là Cơ quan cấp GPXD) phải tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa. Khi thẩm định hồ sơ, phải xác định tài liệu còn thiếu, tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Trường hợp hồ sơ bổ sung vẫn không đáp ứng theo văn bản

thông báo thì Cơ quan cấp GPXD có trách nhiệm thông báo đến chủ đầu tư về lý do không cấp GPXD;

- Trong 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Cơ quan cấp GPXD có trách nhiệm gửi văn bản (kèm theo hồ sơ) lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan theo quy định tại điểm a khoản 36 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi;

- Trong 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ gửi lấy ý kiến của Cơ quan cấp GPXD, các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình. Sau thời hạn trên, nếu cơ quan này không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình.

5. Cơ quan cấp GPXD tổng hợp ý kiến đóng góp và có kết quả GPXD hoặc văn bản trả lời. Thời gian giải quyết 02 (hai) ngày làm việc.

Sau khi hết thời gian lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan có liên quan, Cơ quan cấp GPXD có trách nhiệm tổng hợp ý kiến đóng góp và căn cứ các quy định hiện hành để cấp giấy phép xây dựng hoặc văn bản trả lời gửi nhà đầu tư.

Điều 15. Cơ chế phối hợp giải quyết thủ tục đề nghị cấp GPXD đối với nhà ở riêng lẻ

1. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: Thực hiện theo quy định tại Điều 102 Luật Xây dựng ngày 18/6/2014.

2. Thời gian giải quyết hồ sơ

Tổng thời gian giải quyết hồ sơ không quá 08 (tám) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan để giải quyết thủ tục cấp giấy phép xây dựng:

- Trong 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ phận chuyên môn của Cơ quan cấp GPXD phải tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa. Khi thẩm định hồ sơ, phải xác định tài liệu còn thiếu, tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Trường hợp hồ sơ bổ sung vẫn không đáp ứng theo văn bản thông báo thì Cơ quan cấp GPXD có trách nhiệm thông báo đến chủ đầu tư về lý do không cấp GPXD;

- Trong 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh của chủ đầu tư theo văn bản thông báo, Cơ quan cấp GPXD có trách nhiệm gửi văn bản (kèm theo hồ sơ) lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan theo quy định tại điểm a khoản 36 Điều 1 Luật Xây dựng sửa đổi;

- Trong 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ gửi lấy ý kiến của Cơ quan cấp GPXD, các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình. Sau thời hạn trên, nếu cơ quan này không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình.

4. Cơ quan cấp GPXD tổng hợp ý kiến đóng góp và có kết quả giấy phép xây dựng hoặc văn bản trả lời.

Sau khi hết thời gian lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan có liên quan, Cơ quan cấp GPXD có trách nhiệm tổng hợp ý kiến đóng góp và căn cứ các quy định hiện hành để cấp GPXD hoặc văn bản trả lời gửi nhà đầu tư. Thời gian giải quyết 02 (hai) ngày làm việc.

Điều 16. Cơ chế phối hợp giải quyết thủ tục đề nghị gia hạn, cấp lại GPXD

1. Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp gia hạn GPXD: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 51 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

- Trường hợp cấp lại GPXD: Thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

2. Số lượng hồ sơ:

Thực hiện theo quy định tại Điều 102 Luật Xây dựng ngày 18/6/2014.

3. Thời gian và quy trình giải quyết hồ sơ:

- Tổng thời gian giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

- Trong 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ phận chuyên môn của Cơ quan cấp GPXD phải tổ chức thẩm định hồ sơ. Khi thẩm định hồ sơ, phải xác định tài liệu còn thiếu, tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Trường hợp hồ sơ bổ sung vẫn không đáp ứng theo văn bản thông báo thì Cơ quan cấp GPXD có trách nhiệm thông báo đến chủ đầu tư về lý do không gia hạn, cấp lại GPXD;

- Cơ quan cấp GPXD căn cứ các quy định hiện hành để quyết định việc gia hạn, cấp lại GPXD hoặc văn bản trả lời gửi nhà đầu tư. Thời gian giải quyết 02 (hai) ngày làm việc.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và Ban Quản lý Khu kinh tế, có trách nhiệm:

- a) Thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ theo quy định;
 - b) Hướng dẫn nhà đầu tư bổ sung đối với những hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ hoặc chưa đúng quy định;
 - c) Phối hợp các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện rà soát thống nhất trình tự thực hiện, giải quyết theo hướng đơn giản và rút ngắn thời gian; tổ chức niêm yết công khai đúng theo quy định;
 - d) Thu và nộp phí theo đúng quy định.
2. Các Sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp huyện trong việc phối hợp xử lý, giải quyết các TTHC theo cơ chế một cửa liên thông, có trách nhiệm:
- a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị phối hợp với cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện nghiêm Quy chế này;
 - b) Tổ chức phổ biến, triển khai đến toàn thể công chức, viên chức và các nhà đầu tư biết, thực hiện;
 - c) Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa liên thông đảm bảo đúng thời gian quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, nhà đầu tư có ý kiến bằng văn bản gửi đến Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh để có sự chỉ đạo./.